

Bản án số: 171/2019/HS-ST

Ngày: 22-11-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;

2. Ông Nguyễn Thanh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 161/2019/HSST ngày 21 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo họ và tên:

T T P (tên gọi khác: /); giới tính: Nam; sinh năm 197X tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 352/7 NTT, Phường XX, Quận D, Thành phố H; nơi cư trú: 390/70 HTP, khu phố X, phường Đ, Quận I, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 06/12; con ông T V T (đã chết) và bà H T C (đã chết); vợ V T B L, sinh năm 197X, có 02 con, lớn sinh năm 199X, nhỏ sinh năm 200X; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông N V N, sinh năm 19XX; địa chỉ: 98/109 BVB, phường Đ, Quận I, Thành phố H; Người đại diện hợp pháp của bị hại: bà T T T D, sinh năm 19XX; địa chỉ: 98/109 BVB, phường Đ, Quận I, Thành phố H, là vợ của ông N. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông N T H, sinh năm 19X9; địa chỉ: ấp X, xã P, huyện C, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 05 giờ 40 ngày 09 tháng 01 năm 2019, bị cáo T T P điều khiển xe mô tô, biển số 53YX – 29XX đi trên đường số 1, khu chế xuất A, hướng từ đường số 8 về đường số 4. Khi đến tại trước trụ điện T4L đường số 1, Khu chế xuất A, phường Đ, Quận I, Thành phố H do thiếu quan sát đã đụng vào ông N V N đang đi bộ qua đường. Hậu quả ông N V N bị chấn thương ở vùng đầu.

Sau khi tai nạn xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, giám định dấu vết phương tiện, tốc độ xe khi

lưu thông dẫn đến tai nạn; Giám định pháp y về thương tích và ghi lời khai những người liên quan, kết quả như sau:

Đường số 1, nơi xảy ra va chạm là đường thẳng được trải nhựa bê tông bằng phẳng có chiều rộng 15 mét, chia thành 02 chiều xe lưu thông, giữa đường có vạch sơn nổi liền. Nơi xảy ra va chạm không có đèn tín hiệu giao thông, không có biển báo hiệu.

Vị trí trụ điện ký hiệu T4L đo vào mép đường bên phải là 15,5 mét, đo đến tâm trục bánh xe trước xe mô tô, biển số 53YX – 29XX là 11,2 mét.

Vị trí xe mô tô nhãn hiệu Loncstar màu nâu, biển số 53YX – 29XX dừng sau va chạm, xe ngã về bên trái gần song song với đường số 1. Đầu xe hướng về đường số 4, đuôi xe hướng về đường số 8. Đo từ tâm trục bánh sau xe đến đầu vết cày là 5,3 mét.

Vết cày của xe mô tô, biển số 53YX – 29XX đo vào mép đường 4,5 mét, đo đến vết máu nạn nhân là 2,8 mét.

Vết máu của nạn nhân có diện tích là 0,6 x 0,2 mét, đo vào mép đường 1,4 mét.

Vị trí xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu trắng-đỏ-đen, biển số 6XLX – 56X.8X ngã cạnh bánh trước bên trái xe đầu kéo. Xe ngã sang phải và nằm ngang theo chiều đường N H T, trục trước đo vào mép đường 2,4 mét, trục sau đo vào mép đường 1,5 mét.

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 397/TgT.19 ngày 17/5/2019 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Tp. H: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông N V N do thương tích gây nên hiện tại là 93% (chín mươi ba phần trăm).

Tại bản kết luận giám định số: 1047/C09B ngày 25/02/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Tp.H kết luận: Không đủ cơ sở xác định tốc độ xe mô tô biển số 53YX-29XX khi tham gia tai nạn giao thông.

Tại bản kết luận giám định số: 1046/C09B ngày 14/02/2019 và bản kết luận giám định số: 2203/C09B ngày 26/04/2019 của phân viện khoa học hình sự tại Tp.H kết luận:

-Dấu vết phía trước bên phải và bên phải xe mô tô biển số 53YX-29XX (trượt sạch bụi in dạng vân vải mặt ngoài bên phải lốp bánh trước; trượt sạch bụi in dạng vân vải, gãy vỡ ốp nhựa đầu xe, ốp đèn chiếu sáng, mặt nạ; trượt sạch bụi in dạng vân vải phía trước bên phải lốc máy, cong biến dạng cần sang số, đế chân trước) có chiều từ trước về sau, từ trái sang phải, dấu vết trên bánh xe có chiều từ mặt lắn vào tâm bánh, ngược chiều quay tiến của bánh xe phù hợp va chạm với nạn nhân N V N khi nạn nhân chưa ngã xuống đường.

- Dựa trên cơ sở cơ chế hình thành dấu vết và hồ sơ vụ tai nạn giao thông nêu trên, xác định: khi va chạm, xe mô tô biển số 53YX-29XX lưu thông trên đường số 1 hướng từ đường số 8 đi đường số 4.

- Phía trước bên phải xe mô tô biển số 53YX-29XX là vị trí va chạm đầu tiên với người đi bộ N V N khi tham gia tai nạn giao thông.

Về phần dân sự:

- Bà T T T D, đại diện hợp pháp của ông N V N yêu cầu bị cáo T T P bồi thường số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà D xác định bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bà được một phần là 30.000.000đ, nên nay

bà chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 70.000.000đ. Bị cáo T T P đồng ý bồi thường số tiền trên nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên yêu cầu được trả cho bị hại mỗi tháng 2.500.000đ cho đến khi hết số tiền trên.

Bản Cáo trạng số 165/CT-VKSQ7 ngày 09/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;
- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 397/TgT.19 ngày 17/5/2019 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Tp. H; Bản kết luận giám định số: 1047/C09B ngày 25/02/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Tp.H; Bản kết luận giám định số: 1046/C09B ngày 14/02/2019 và bản kết luận giám định số: 2203/C09B ngày 26/04/2019 của phân viện khoa học hình sự tại Tp.H, kết hợp lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ, xét đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo T T P điều khiển xe mô tô biển số 53YX – 29XX lưu thông trên đường thiếu quan sát, không giảm tốc độ và không nhường đường cho người đi bộ qua đường an toàn đã đụng vào ông N V N gây ra tai nạn giao thông, làm ông N V N bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 93% (chín mươi ba phần trăm).

Hành vi của T T P đã vi phạm khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ, cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, gây hậu quả rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sự an toàn, sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của công dân, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục được một phần hậu quả; đại diện hợp pháp của người bị hại bà T T T D có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe máy hiệu Lonsctar, biển số 53YX – 29XX, số máy: 50FMG3-103096XX, số khung: XG20X-1030969X. Qua xác minh, xe máy trên có chủ sở hữu là ông N T H. Ông H khai nhận năm 2010, ông H đã bán xe trên cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). T T P khai mua xe máy trên tại 01 cửa hàng bán xe cũ ở quận T, không nhớ rõ địa chỉ nhưng không làm thủ tục sang tên. Cơ quan Cảnh điều tra Công an Quận 7 đã đăng báo tìm người quản lý hợp pháp chiếc xe trên, nếu tìm thấy chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại cho chủ sở hữu, nếu không tìm thấy thì trả lại cho bị cáo.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội một phần cũng có một phần lỗi của bị hại khi ông N V N đi bộ qua đường nơi không có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, qua đường không quan sát, không đảm bảo an toàn dẫn đến tai nạn giao thông, vi phạm khoản 2, khoản 3 Điều 32 Luật giao thông đường bộ; hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần bắt chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[6] Xét cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo phải bồi thường số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) cho bị hại bằng cách mỗi tháng trả 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 10/12/2019.

Trong trường hợp bị cáo T T P vi phạm thời hạn trả và số tiền phải trả đã thỏa thuận trên thì bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để thi hành buộc bị cáo trả toàn bộ số tiền nợ còn lại làm một lần ngay sau thời điểm bị cáo vi phạm.

Trong trường hợp bị cáo chậm trả tiền thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[8] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo T T P phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo T T P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm kể từ tuyên án (ngày 22/11/2019).

Giao bị cáo T T P cho Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận I, Thành phố H để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo T T P cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Trường hợp bị cáo T T P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo T T P tại địa chỉ 390/70 HTP, khu phố X, phường Đ, Quận 7, Thành phố H cho đến khi có Quyết định Thi hành án theo quy định của pháp luật.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Bị cáo T T P phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) cho bị hại bằng cách mỗi tháng trả 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 10/12/2019 cho đến khi nào hết số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Trong trường hợp bị cáo T T P vi phạm thời hạn trả và số tiền phải trả đã thỏa thuận trên thì bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để thi hành buộc bị cáo trả toàn bộ số tiền nợ còn lại làm một lần ngay sau thời điểm bị cáo vi phạm.

Trong trường hợp bị cáo chậm trả tiền thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu 01 xe máy hiệu Lonsctar, biển số 53YX – 29XX, số máy: 50FMG3-103096XX, số khung: XG20X-10309XX8 trong thời hạn 60 (sáu) mươi ngày, nếu tìm thấy chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại cho chủ sở hữu, nếu không tìm thấy thì trả lại cho bị cáo T T P.

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 21 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7.)

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

5. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo tại phiên tòa.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu sổ án, VT, hồ sơ;
- (TK. Trang) .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Phương